

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành tại Quyết định số 585/QĐ-ĐHTG, ngày 27 tháng 8 năm 2012
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Tên chương trình: CAO ĐẲNG DỊCH VỤ THÚ Y

Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Ngành đào tạo : DỊCH VỤ THÚ Y
Mã số : 51640201
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp về thú y. Sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ sở chăn nuôi, thú y thuộc các thành phần kinh tế hoặc đơn vị sự nghiệp dưới sự chỉ đạo của Bác sĩ thú y.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình này, người tốt nghiệp đạt được:

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức cơ bản và chuyên môn về thú y, chăn nuôi để áp dụng trong lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc, chẩn đoán và phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm (kể cả những bệnh truyền lây từ động vật sang người);

Nắm được phương pháp tổ chức, theo dõi các thí nghiệm ở trang trại chăn nuôi.

1.2.2. Kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp

Có khả năng về chẩn đoán bệnh; chọn lựa được thuốc thích hợp để phòng trị bệnh cho gia súc, gia cầm; thực hiện thành thạo các thủ thuật, thao tác thú y và chăn nuôi;

Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi và phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và dịch vụ kinh doanh về thú y, chăn nuôi;

Có khả năng chuyển giao kỹ thuật về chăn nuôi, thú y cho người chăn nuôi và hướng dẫn được các kỹ thuật viên bậc thấp hơn (trung, sơ cấp);

Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc độc lập, làm việc nhóm trong các cơ quan quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, nghiên cứu và đào tạo về chuyên ngành thú y và chăn nuôi.

1.2.3. Phẩm chất đạo đức, thái độ nghề nghiệp

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; ý thức cộng đồng;
- Có tinh thần trách nhiệm trong công việc; tuân thủ những quy định của pháp luật,

có ý thức thực hiện tốt luật thú y và bảo vệ môi trường;

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **145**

- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **101**

(Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành của Nhà trường.

6. Thang điểm

Thang điểm thực hiện theo Quy chế đào tạo, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng - Đại học chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ (MHP)
		LT	TH1	TH2	TT	ĐA	TS	TLTT	
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh						10	10		
00012	Những NLCB của CNMLN 1	22	8				2	2	
00113	Những NLCB của CNMLN 2	32	13				3	3	00012
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	10				2	2	00113
03013	Đường lối CM của Đảng CSVN	29	16				3	3	03212
7.1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật						9	4		
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
15302	Phương pháp nghiên cứu khoa học	15	15				2		
15362	Kỹ năng giao tiếp	20	10				2	2	
55823	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	30		30			3		
7.1.3. Ngoại ngữ						10	10		
07043	Tiếng Anh 1	45					3	3	
07053	Tiếng Anh 2	45					3	3	07043
07004	Tiếng Anh 3	60					4	4	07053
7.1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường						18	12		
10023	Hóa học	45					3	3	
10111	Thực hành hóa học			30			1	1	10023+
11012	Sinh học đại cương A1	30					2	2	
11111	Thực hành sinh học đại cương A1			30			1	1	11012+
08103	Toán cao cấp B	45					3	3	

Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
11902	Con người và môi trường	30					2	2	
08733	Xác suất - Thống kê A	45					3		
30003	Tin học đại cương và văn phòng	15		60			3		
7.1.5. Giáo dục thể chất – Giáo dục quốc phòng									
7.1.5.1. Giáo dục thể chất								90 tiết	
12372	Thể dục và điền kinh			60			60 tiết		
Môn thể thao tự chọn (cơ bản): Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau:									
12381	Bóng đá 1*			30					
12391	Bóng chuyền 1*			30					
12401	Cầu lông 1*			30					
12411	Bóng rổ 1*			30					
12421	Võ Vovinam 1*			30					
12491	Cờ vua 1*			30					
7.1.5.2. Giáo dục quốc phòng									
12923	Giáo dục Quốc phòng I B*	45					120 tiết		
12932	Giáo dục Quốc phòng II B*	30							
12943	Giáo dục Quốc phòng III B*	27		36					
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							47	36	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
7.2.1 Kiến thức cơ sở							23	23	
75033	Chẩn đoán – Xét nghiệm	30		30			3	3	75082
75192	Dược lý thú y	30					2	2	75082
75043	Giống và kỹ thuật truyền giống	30		30			3	3	
75053	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	30		30			3	3	75082
75063	Giải phẫu – Tổ chức học	30		30			3	3	
75072	Hóa sinh động vật	30					2	2	
75082	Sinh lý động vật	30					2	2	
75013	Vì sinh vật thú y	30		30			3	3	
55782	Thống kê ứng dụng và phương pháp thí nghiệm	30					2	2	
7.2.2 Kiến thức ngành							49	31	
75112	Bệnh ký sinh trùng	20		20			2	2	75033
75122	Bệnh nội khoa	20		20			2	2	75033
75133	Bệnh sản, ngoại khoa	30		30			3	3	75033
75144	Bệnh truyền nhiễm	45		30			4	4	75033
75232	Giải phẫu bệnh thú y	20		20			2	2	75063
75282	Luật thú y	30					2	2	
75152	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	20		20			2	2	
75162	Kỹ thuật chăn nuôi heo	20		20			2	2	
75172	Kỹ thuật chăn nuôi trâu bò	20		20			2	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
77862	Khuyến nông	20		20			2	2	
75422	Thiết kế chuồng trại chăn nuôi	20		20			2		
75202	Vệ sinh chăn nuôi	20		20			2		

75472	Ứng dụng công nghệ sinh học trong chăn nuôi	20		20			2		
75482	Vì sinh vật chăn nuôi	20		20			2		
75492	Tin học ứng dụng trong chăn nuôi	20		20			2		
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 8 TC)									
75222	Dịch tễ học	30					2	8	
75292	Miễn dịch học	30					2		
75312	Vệ sinh thú y	20		20			2		
75182	Độc chất học	30					2		
75242	Dược lý lâm sàng	20		20			2		75192
75262	Kiểm nghiệm thú sản	20		20			2		
75402	Gieo tinh nhân tạo	20		20			2		
75302	X-quang, siêu âm chẩn đoán hình ảnh	20		20			2		
7.2.3 Kiến thức bổ trợ							14	2	
Chọn tự do (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
75392	Nuôi cút	30					2	2	
75342	Cỏ và đồng cỏ	20		20			2		
75352	Chăn nuôi dê	20		20			2		
75362	Chăn nuôi ong	20		20			2		
75372	Chăn nuôi thỏ	20		20			2		
75382	Chăn nuôi chó, mèo	30					2		
75412	Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi	20		20			2		
7.2.4. Thực tập, Khóa luận tốt nghiệp							12	9	
7.2.4.1. Thực tập							4	4	
75453	Thực tập nghề nghiệp cơ bản				135		3	3	
75521	Tham quan thực tế				45		1	1	
7.2.4.2. Khóa luận tốt nghiệp							8	5	
75915	Khóa luận tốt nghiệp					300	5	5	75453
Học phân thay thế khóa luận tốt nghiệp									
75533	Thực tập tốt nghiệp				135		3	5	75453
	Tích lũy đủ 2 TC trong các học phân thuộc khối kiến thức ngành chưa tích lũy								
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							98	65	
Số tín chỉ tổng cộng: 145 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 101 TC									

(*)Không tính vào tổng số TC

Ghi chú:

LT : Lý thuyết (tiết)

TH1: Thực hành 1 (tiết)

TH2: Thực hành 2 (tiết)

ĐA : Đồ án, khóa luận (giờ)

TT : Thực tập (giờ)

TLTT : Tổng số TC tích lũy tối thiểu

MHP : Mã học phần

TS: Tổng số TC của chương trình HPTQ : Học phần tiên quyết (mã học phần)

- Học phân có dấu (+) là học phân học trước

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến (Xem Bảng - Sơ đồ đào tạo toàn khoá học)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- *Tổ chức thực hiện chương trình*: Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Nhằm định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- *Phương pháp giảng dạy*: Chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; áp dụng phương pháp sư phạm tích cực, lấy người học làm trung tâm; kết hợp thực hành tại phòng thí nghiệm, tham quan thực tế, thực tập tại các trang trại chăn nuôi, các trạm Thú y, Chi cục Thú y, quầy thuốc thú y, Bệnh xá thú y trong và ngoài tỉnh Tiền Giang./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Ngô Tấn Lực